

Số 41 /CT-TCKT

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Số 10 IDICO

Mã chứng khoán: I10

Trụ sở chính: Số 43A, Đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 02923.830191

Fax: 02923.831284

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Văn Tất Linh

Địa chỉ: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Số 10 IDICO

Điện thoại: 02923.830191

Fax: 02923.831284

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Số 10 IDICO

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24 /03/2021 tại đường dẫn: <http://inco10.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
GIÁM ĐỐC

*Nơi nhận:

- Như trên; 

- Lưu VP, TCKT. 



LÊ VĂN TẤT LINH

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 10 IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng số 10 trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (Nay là Tổng Công ty IDICO –CTCP), được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1743/QĐ-BXD ngày 14/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng số 10 thành Công ty Cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155910 ngày 15/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29/4/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO NO.10 INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDICO - INCO10.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 29/4/2018 là 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là **I10**.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Tất Linh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thành Trung	Ủy viên
	Ông Võ Tấn Dũng	Ủy viên
	Ông Mai Quốc Chinh	Ủy viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban
	Ông Trần Nguyễn Anh Đức	Thành viên
	Bà Vũ Thị Thùy Phương	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Lê Văn Tất Linh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Giám đốc
	Ông Trần Mạnh Hưng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Văn Tất Linh

Giám đốc

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số: 90/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 10 IDICO

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 10 IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 10 IDICO, được lập tại ngày 19/3/2021, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 10 IDICO tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 47.338.250.666VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 10.605.950.350 VND. Các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá so với tài sản ngắn hạn là 6.792.973.712 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ của Công ty mẹ và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.



A blue handwritten signature, likely of Nguyễn Khánh Minh, written in a cursive style.

Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số: 06/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Khánh Minh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

1141-310-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		38.587.146.680	45.702.324.249
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.396.565.628	571.883.022
1. Tiền	111		583.965.574	571.883.022
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.812.600.054	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.798.334.144	15.126.470.159
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	7.798.334.144	15.126.470.159
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.966.959.292	26.750.265.931
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.874.332.697	19.713.976.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		367.088.500	278.788.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.226.616.639	5.258.579.882
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.009.735.503)	(1.009.735.503)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	2.508.656.959	2.508.656.959
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	2.425.287.616	3.253.705.137
1. Hàng tồn kho	141		2.425.287.616	3.253.705.137
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		8.410.556.695	7.646.581.100
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		7.874.823.595	6.910.848.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	963.975.595	-
- Nguyên giá	222		7.199.112.924	9.906.704.829
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.235.137.329)	(9.906.704.829)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	6.910.848.000	6.910.848.000
- Nguyên giá	228		6.910.848.000	6.910.848.000
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		222.892.500	222.892.500
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	222.892.500	222.892.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		112.840.600	112.840.600
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.12	112.840.600	112.840.600
VI Tài sản dài hạn khác	260		200.000.000	400.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	200.000.000	400.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		46.997.703.375	53.348.905.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		57.603.653.725	65.359.732.654
I- Nợ ngắn hạn	310		45.380.120.392	53.359.732.654
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	7.625.167.518	9.524.402.388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.267.713.326	5.192.395.724
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	12.123.509.952	12.072.474.633
4. Phải trả người lao động	314		323.350.348	40.090.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	3.973.451.583	1.682.985.510
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	11.832.518.261	12.091.998.599
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	8.213.831.042	12.734.807.438
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		20.578.362	20.578.362
II- Nợ dài hạn	330		12.223.533.333	12.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.18	223.533.333	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		(10.605.950.350)	(12.010.827.305)
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(10.605.950.350)	(12.010.827.305)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.732.300.316	1.732.300.316
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(47.338.250.666)	(48.743.127.621)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(48.743.127.621)	(54.910.558.947)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.404.876.955	6.167.431.326
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		46.997.703.375	53.348.905.349

Người lập

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Hoàng Kiêm

Nguyễn Ngọc Vân

Lê Văn Tất Linh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	25.657.660.925	43.958.986.904
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	25.657.660.925	43.958.986.904
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	19.237.716.177	35.674.620.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.419.944.748	8.284.366.199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	966.591.019	1.039.677.550
7. Chi phí tài chính	22	5.23	585.921.071	962.785.968
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		585.921.071	962.785.968
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	7.084.588.434	7.801.746.632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(283.973.738)	559.511.149
11. Thu nhập khác	31	5.25	1.735.411.693	5.753.847.697
12. Chi phí khác	32	5.25	46.561.000	145.927.520
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.688.850.693	5.607.920.177
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.404.876.955	6.167.431.326
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.404.876.955	6.167.431.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	401,39	1.762,12

Người lập

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Hoàng Kiêm

Nguyễn Ngọc Vân

Lê Văn Tất Linh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	1.404.876.955	6.167.431.326
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	16.338.569	197.632.404
- Các khoản dự phòng	3	-	438.386.232
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(2.002.290.929)	(5.784.422.856)
- Chi phí lãi vay	6	585.921.071	962.785.968
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	4.845.666	1.981.813.074
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	6.783.306.639	(3.883.222.550)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	828.417.521	145.797.939
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(3.458.635.866)	(3.715.757.698)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	200.000.000	200.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(585.921.071)	(962.785.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.772.012.889	(6.234.155.203)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(980.314.164)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.035.699.910	4.744.745.306
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.520.093.199)	(15.126.470.159)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.848.229.214	14.428.503.400
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	966.591.019	1.039.677.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.350.112.780	5.086.456.097
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	18.627.521.162	35.446.131.143
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.924.964.225)	(33.854.598.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.297.443.063)	1.591.532.458
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.824.682.606	443.833.352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	571.883.022	128.049.670
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.396.565.628	571.883.022

Người lập

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Hoàng Kiêm

Nguyễn Ngọc Vân

Lê Văn Tất Linh



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Số 10 trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (Nay là Tổng Công ty IDICO –CTCP), được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1743/QĐ-BXD ngày 14/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Số 10 thành Công ty Cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155910 ngày 15/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29/4/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO NO.10 INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDICO - INCO10.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 là 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là **I10**.

Trụ sở chính: Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 32 người (Tại ngày 31/12/2019 là 33 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, điện, nước, cảng, buro chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, bến cảng, bờ kè; Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng; Tư vấn đầu tư xây dựng; Thiết kế, tư vấn thiết kế xây dựng; Kinh doanh vận tải xăng dầu, nhớt, điện, nước; Đầu tư xây dựng, khai thác, chuyển giao (BOT) các dự án đường bộ, cu công; Khai thác mỏ, chế biến các sản phẩm từ mỏ; Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, vật liệu xây dựng; Giám sát và tư vấn giám sát kỹ thuật các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện, nước, cảng, buro chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; Kinh doanh máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu các loại phục vụ cho công nghiệp, xây dựng; Sản xuất, chế biến, cung cấp suất ăn công nghiệp; Cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động cho các nhà máy công nghiệp; Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu; Sản xuất kinh doanh gia công cơ khí các loại; Tư vấn xây dựng, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, cảng, điện nước; Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế cấp thoát nước công trình cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra, quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, cảng, điện, nước; Tư vấn quy hoạch và lập dự án đầu tư, dự án mới thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu cho công trình, thử nghiệm các tính chất cơ lý vật liệu xây dựng, vật liệu kim loại, cơ lý đất xây dựng; Dịch vụ kiểm định vật liệu xây dựng, thí nghiệm các chỉ tiêu trong giao thông, nước sinh hoạt; Dịch vụ kiểm định chứng nhận chất lượng công trình, khảo sát địa hình, địa chất công trình; Sản xuất và cung cấp bê tông thương phẩm.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Xây lắp hạ tầng, công trình dân dụng, trường học, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê kho bãi.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

1.5 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ, mã số chi nhánh
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO - Xí nghiệp Xây dựng Thủy điện	Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Mã số chi nhánh: 1800155910-01
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO - Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế	Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Mã số chi nhánh: 5713000333

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 47.338.250.666 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 10.605.950.350. Các khoản nợ ngắn hạn vượt quá so với tài sản ngắn hạn là 6.792.973.712 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ và vào hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty mẹ sẽ không hỗ trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong 12 tháng tới. Do vậy, Báo cáo tài chính đính kèm vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư khác.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua -bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

212
Y
-1
ÁN
NA
51

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

a. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 10

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả trong năm là các khoản chi phí nhân công, chi phí thi công các hạng mục công trình dựa theo các biên bản nghiệm thu và bảng thanh toán tiền nhân công.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong năm, và giá vốn của công trình xây dựng được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Trong năm, Công ty chỉ hoạt động xây lắp và lĩnh vực khác gồm có tư vấn thẩm tra thiết kế và cho thuê mặt bằng chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	344.069.706	195.004.484
Tiền gửi ngân hàng	239.895.868	376.878.538
Các khoản tương đương tiền (*)	7.812.600.054	-
Tổng	8.396.565.628	571.883.022

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng đến 3 tháng tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng tiền gửi, lãi suất bình quân từ 3%/năm đến 4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cần Thơ	7.798.334.144	15.126.470.159
Tổng	7.798.334.144	15.126.470.159

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng tiền gửi, lãi suất bình quân từ 5,1%/năm đến 6,8%/năm.

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đại học FPT Cần Thơ	-	890.925.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	3.043.723.573	4.043.723.573
Công ty Cổ phần du lịch Đồng Tháp	4.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	-	3.311.963.351
Công ty TNHH Bất Động Sản An Khương	2.816.503.920	-
Các đối tượng khác	3.014.105.204	4.467.363.269
Tổng	12.874.332.697	19.713.976.093

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	4.533.111.980	182.625.319	4.518.825.361	182.625.319
Nguyễn Công Minh	144.597.200	-	144.597.200	-
Phải thu khác	548.907.459	23.569.184	595.157.321	23.569.184
Tổng	5.226.616.639	206.194.503	5.258.579.882	206.194.503

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xí Nghiệp kết cấu thép Chương Dương - Công ty CP Chương Dương Lương Duy Đàn	223.951.200	-	223.951.200	-
Công ty TNHH MTV XD TMDV Phúc Gia	125.000.000	-	125.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phan Thông	143.434.500	-	143.434.500	-
Các đối tượng khác	238.605.500	-	238.605.500	-
Tổng	278.744.303	-	278.744.303	-
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên

Xí Nghiệp kết cấu thép Chương Dương - Công ty CP Chương Dương	-	-	-	223.951.200
Công ty TNHH MTV Phan Thông	-	-	-	238.605.500
Các đối tượng còn lại	-	-	-	547.178.803

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản khác (i)		2.508.656.959		2.508.656.959
Tổng		2.508.656.959		2.508.656.959

(i) Đây là khoản chi phí nhân công vượt định mức công trình Vĩnh Thạnh và Thới Nhứt theo quyết định điều chỉnh giảm Kiểm toán nhà nước, Công ty đang khởi kiện để quy trách nhiệm cho từng cá nhân cụ thể.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	159.503.985	-	162.243.369	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.265.783.631	-	3.091.461.768	-
Tổng	2.425.287.616	-	3.253.705.137	-

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh vốn hóa tài sản	200.000.000	400.000.000
Tổng	200.000.000	400.000.000

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khu nhà Văn phòng làm việc Công ty	222.892.500	222.892.500
Tổng	222.892.500	222.892.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

.10 Tài sản cố định hữu hình

Mẫu B 09 -DN

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2020	4.998.445.334	2.621.472.758	2.286.786.737	9.906.704.829
Tăng trong năm	-	-	980.314.164	980.314.164
Mua trong năm	-	-	980.314.164	980.314.164
Giảm trong năm	31.818.182	2.067.823.070	1.588.264.817	3.687.906.069
Thanh lý, nhượng bán	31.818.182	2.067.823.070	1.588.264.817	3.687.906.069
Số dư tại ngày 31/12/2020	4.966.627.152	553.649.688	1.678.836.084	7.199.112.924
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	4.998.445.334	2.621.472.758	2.286.786.737	9.906.704.829
Tăng trong năm	-	-	16.338.569	16.338.569
Khấu hao trong năm	-	-	16.338.569	16.338.569
Giảm trong năm	31.818.182	2.067.823.070	1.588.264.817	3.687.906.069
Thanh lý, nhượng bán	31.818.182	2.067.823.070	1.588.264.817	3.687.906.069
Số dư tại 31/12/2020	4.966.627.152	553.649.688	714.860.489	6.235.137.329
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	-	963.975.595	963.975.595

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 6.218.798.760 đồng (Tại ngày 31/12/2019 là: 9.906.704.829 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.11 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	6.910.848.000	6.910.848.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>6.910.848.000</u>	<u>6.910.848.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	-
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	<u>6.910.848.000</u>	<u>6.910.848.000</u>
Tại ngày 31/12/2020	<u>6.910.848.000</u>	<u>6.910.848.000</u>

Đây là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài có diện tích 685,6 m², địa chỉ tại Số 1A đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

5.12 Các khoản đầu tư dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Các khoản đầu tư khác	112.840.600	90.042.000	-	112.840.600	77.142.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2	112.840.600	90.042.000	-	112.840.600	77.142.000	-
Tổng	<u>112.840.600</u>	<u>90.042.000</u>	<u>-</u>	<u>112.840.600</u>	<u>77.142.000</u>	<u>-</u>

Công ty đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 với số lượng cổ phiếu là 4.300 cổ phiếu và 860 cổ phiếu là cổ tức.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO	1.591.209.998	1.591.209.998	1.631.209.998	1.631.209.998
Công ty TNHH Cơ khí Lâm Nhứt Đại Phát	164.697.491	164.697.491	1.417.140.685	1.417.140.685
Phải trả người bán khác	5.869.260.029	5.869.260.029	6.476.051.705	6.476.051.705
Tổng	<u>7.625.167.518</u>	<u>7.625.167.518</u>	<u>9.524.402.388</u>	<u>9.524.402.388</u>

*Trong đó: Phải trả người
bán các bên liên quan (Chi
tiết trình bày tại thuyết minh
số 6.2)*

<i>1.591.209.998</i>	<i>1.591.209.998</i>	<i>1.631.209.998</i>	<i>1.631.209.998</i>
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trường Đại học Kiến trúc TPHCM	-	4.799.007.361
Công ty TNHH Bất Động Sản An Khương	968.825.690	-
Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ	177.634.600	215.971.200
Các đối tượng khác	121.253.036	177.417.163
Tổng	1.267.713.326	5.192.395.724

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	12.072.474.633	3.369.576.873	3.318.541.554	12.123.509.952
Thuế giá trị gia tăng	1.446.661.121	1.281.721.721	1.624.469.588	1.103.913.254
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.994.015	3.994.015	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	527.651.119	1.701.538.758	900.000.000	1.329.189.877
Các khoản thuế phải nộp khác	10.098.162.393	382.322.379	790.077.951	9.690.406.821

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí công trình Đại học FPT	132.902.724	176.590.617
Chi phí công trình QL91	200.000.000	200.000.000
Chi phí công trình Đại học Xây dựng Miền Tây	985.275.158	1.196.904.893
Chi phí sửa trạm biến áp 3 pha	-	109.490.000
Chi phí công trình ĐH Kiến trúc TP.HCM	1.445.182.818	-
Chi phí công trình Đại học FPT giai đoạn 2	336.914.474	-
Chi phí công trình NMCB Thức ăn thủy sản	873.176.409	-
Tổng	3.973.451.583	1.682.985.510

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.17 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.832.518.261	12.091.998.599
Kinh phí công đoàn	57.328.697	40.970.713
Bảo hiểm xã hội	33.349.562	45.687.262
Bảo hiểm y tế	13.445.496	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.198.290	-
Tổng công ty IDICO - CTCP (Cổ tức)	8.152.386.644	8.352.386.644
Lãi chậm nộp BHXH Cần Thơ	548.420.822	554.055.905
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.021.388.750	3.098.898.075
b) Dài hạn	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	12.000.000.000	12.000.000.000
Tổng	23.832.518.261	24.091.998.599
<i>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.2)</i>	21.071.061.312	21.271.061.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	8.213.831.042	8.213.831.042	18.403.987.829	22.924.964.225	12.734.807.438	12.734.807.438
Vay nợ ngắn hạn	7.766.764.375	7.766.764.375	17.956.921.162	22.924.964.225	12.734.807.438	12.734.807.438
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ [1]	7.766.764.375	7.766.764.375	17.956.921.162	22.924.964.225	12.734.807.438	12.734.807.438
Nợ dài hạn đến hạn trả	447.066.667	447.066.667	447.066.667	-	-	-
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ [2]	447.066.667	447.066.667	447.066.667	-	-	-
b) Vay dài hạn	223.533.333	223.533.333	670.600.000	447.066.667	-	-
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ [2]	223.533.333	223.533.333	670.600.000	447.066.667	-	-
Tổng	8.437.364.375	8.437.364.375	19.074.587.829	23.372.030.892	12.734.807.438	12.734.807.438

1] Công ty vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2019/447195/HĐTD ngày 10/12/2019
Mục đích và dự nợ tín dụng	Vay thường xuyên bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 40.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 đồng
Thời hạn cấp hạn mức	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2020
Lãi suất	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp, cầm cố tài sản thuộc sở hữu của Bên được Bảo lãnh/Bên thứ ba, bảo lãnh (nếu có), ký quỹ (nếu có). Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên được bảo lãnh tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác. Chi tiết về việc cầm cố, thế chấp tài sản/ quyền đòi nợ (khoản phải thu), giá trị tài sản đảm bảo, phương thức xử lý tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định tại Hợp đồng bảo tiền vay ký giữa Ngân hàng và Bên được bảo lãnh hoặc bên thứ ba.
Dư nợ tại ngày 31/12/2020	7.766.764.375 đồng

(H) A 00-71 01 (6)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	8.213.831.042	8.213.831.042	18.403.987.829	22.924.964.225	12.734.807.438	12.734.807.438
Vay nợ ngắn hạn	7.766.764.375	7.766.764.375	17.956.921.162	22.924.964.225	12.734.807.438	12.734.807.438
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ [1]	7.766.764.375	7.766.764.375	17.956.921.162	22.924.964.225	12.734.807.438	12.734.807.438
Nợ dài hạn đến hạn trả	447.066.667	447.066.667	447.066.667	-	-	-
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ [2]	447.066.667	447.066.667	447.066.667	-	-	-
b) Vay dài hạn	223.533.333	223.533.333	670.600.000	447.066.667	-	-
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ [2]	223.533.333	223.533.333	670.600.000	447.066.667	-	-
Tổng	8.437.364.375	8.437.364.375	19.074.587.829	23.372.030.892	12.734.807.438	12.734.807.438

1] Công ty vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2019/447195/HĐTD ngày 10/12/2019
Mục đích và dư nợ tín dụng	Vay thường xuyên bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 40.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 đồng
Thời hạn cấp hạn mức	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2020
Lãi suất	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp, cầm cố tài sản thuộc sở hữu của Bên được Bảo lãnh/Bên thứ ba, bảo lãnh (nếu có), ký quỹ (nếu có). Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên được bảo lãnh tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác. Chi tiết về việc cầm cố, thế chấp tài sản/ quyền đòi nợ (khoán phải thu), giá trị tài sản đảm bảo, phương thức xử lý tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định tại Hợp đồng bảo tiền vay ký giữa Ngân hàng và Bên được bảo lãnh hoặc bên thứ ba.
Dư nợ tại ngày 31/12/2020	7.766.764.375 đồng

(H) A 00-11 01 (6)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

2] Công ty vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng trung hạn sau:

Số hợp đồng	Hợp đồng tín dụng số 01/2020/447195/HHTD ngày 21/10/2020
Mục đích vay	Vay trung hạn mua xe ô tô con nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty
Thời hạn vay	18 tháng
Lãi suất	Lãi suất tại thời điểm vay 10,2%/năm và sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng
Hình thức đảm bảo tiền vay	Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2020/694096/HDBĐ ký ngày 21/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 10 IDICO và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Cần Thơ
Dư nợ tại ngày 31/12/2020	670.600.000 đồng

1.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	35.000.000.000	1.732.300.316	(54.910.558.947)	(18.178.258.631)
Tăng trong năm	-	-	6.167.431.326	6.167.431.326
Lợi nhuận sau thuế	-	-	6.167.431.326	6.167.431.326
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	35.000.000.000	1.732.300.316	(48.743.127.621)	(12.010.827.305)
Số dư tại ngày 01/01/2020	35.000.000.000	1.732.300.316	(48.743.127.621)	(12.010.827.305)
Tăng trong năm	-	-	1.404.876.955	1.404.876.955
Lợi nhuận sau thuế	-	-	1.404.876.955	1.404.876.955
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	35.000.000.000	1.732.300.316	(47.338.250.666)	(10.605.950.350)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Đối tượng	97%	3.389.090	33.890.900.000	97%	3.389.090	33.890.900.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	3%	110.910	1.109.100.000	3%	110.910	1.109.100.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	100%	3.500.000	35.000.000.000	100%	3.500.000	35.000.000.000
Tổng						

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.000.000.000	35.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng /Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.732.300.316	1.732.300.316
Tổng	1.732.300.316	1.732.300.316

5.20 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.072.025.008	5.457.220.844
Doanh thu hoạt động xây dựng	21.585.635.917	38.501.766.060
Tổng	25.657.660.925	43.958.986.904
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	25.657.660.925	43.958.986.904

5.21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.792.934.100	5.403.243.665
Giá vốn hoạt động xây dựng	15.444.782.077	30.271.377.040
Tổng	19.237.716.177	35.674.620.705

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	966.591.019	1.039.677.550
Tổng	966.591.019	1.039.677.550

5.23 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	585.921.071	962.785.968
Tổng	585.921.071	962.785.968

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.698.070.187	3.619.856.802
Chi phí đồ dùng văn phòng	240.749.352	282.139.447
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.338.569	23.100.926
Thuế phí và lệ phí	36.647.354	33.459.990
Chi phí dự phòng	-	517.933.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.788.149	404.589.278
Chi phí bằng tiền khác	2.701.994.823	2.920.666.622
Tổng	7.084.588.434	7.801.746.632

5.25 Thu nhập/chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý tài sản	1.035.699.910	4.744.745.306
Các khoản khác	699.711.783	1.009.102.391
Tổng	1.735.411.693	5.753.847.697
<i>Chi phí khác</i>		
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	38.010.000
Các khoản khác	46.561.000	107.917.520
Tổng	46.561.000	145.927.520
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.688.850.693	5.607.920.177

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.404.876.955	6.167.431.326
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	155.505.195	377.166.530
Các khoản nộp phạt	-	38.010.000
Các khoản khác	155.505.195	339.156.530
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	1.560.382.150	6.544.597.856
Kết chuyển lỗ	1.560.382.150	6.544.597.856
4. Thu nhập chịu thuế	-	-
5. Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN hiện hành	-	-

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.404.876.955	6.167.431.326
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.404.876.955	6.167.431.326
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	401,39	1.762,12

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.149.483.290	23.219.091.802
Chi phí nhân công	6.028.386.445	5.321.037.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.338.569	197.632.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.164.506.764	7.134.491.567
Chi phí khác	8.436.753.523	9.046.173.319
Tổng	26.795.468.591	44.918.426.428

N: 6
 CÔNG
 T
 KIỂM
 S
 S
 S

THÔNG TIN KHÁC

1.1. Danh sách các bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - LINCON
3	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCON
4	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - URBIZ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO	Cùng Công ty mẹ	LAMA - IDICO

1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất giao dịch	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND (Trình bày lại)	VND	VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị						
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Ông Lê Văn Tất Linh	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Ban Kiểm soát						
Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Ông Trần Nguyễn Anh Đức	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Bà Vũ Thị Thùy Phương	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	-	-	-	-
Ban Giám đốc						
Ông Lê Văn Tất Linh	Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	861.633.500	926.798.000	-	-
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	220.138.500	266.257.000	-	-
Ông Trần Mạnh Hưng	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	214.988.000	220.901.000	-	-
Bà Nguyễn Ngọc Vân	Kế toán trưởng	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	214.035.000	223.901.000	-	-
			212.472.000	215.739.000	-	-
Tổng			861.633.500	926.798.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
LAMA IDICO	1.591.209.998	1.631.209.998
Phải trả ngắn hạn khác	1.591.209.998	1.631.209.998
IDICO	21.071.061.312	21.271.061.312
IDICO - URBIZ	8.152.386.644	8.352.386.644
IDICO - LINCON	12.000.000.000	12.000.000.000
	918.674.668	918.674.668

6.3 Thông tin so sánh

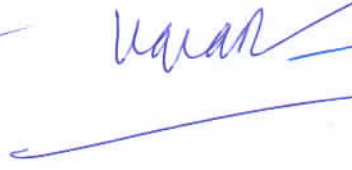
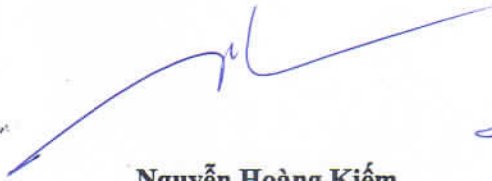
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán quốc tế INPACT.

Cần Thơ, ngày ngày 19 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Kiếm

Nguyễn Ngọc Vân

Lê Văn Tất Linh

